TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

B``ản án số: 36/2022/HN-ST
Ngày: 15-3-2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- Các *Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- **Thư ký phiên tòa**: bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HN ngày 24/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Nguyễn Q, sinh năm 2001; địa chỉ: số 25G ấp N, xã N1, thành phố B, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Trần Văn Chí L, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp 6, xã H, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Q trình bày:

Chị và anh L tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (G, B) vào ngày 18/02/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp 6, xã H (G, B). Thời gian đầu hai bên chung sống bình thường. Đến đầu năm 2020, do hai bên bất đồng quan điểm, anh L không chịu đi làm và phụ chăm sóc con chung nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi nên đã làm tình cảm vợ chồng không còn. Hai bên sống ly thân từ tháng 1/2020 cho đến

nay. Trong thời gian ly thân, mặc dù chị và gia đình chị có tạo điều kiện hòa giải nhưng anh L vẫn không có thiện chí sửa đổi, gia đình anh L có biết vợ chồng mâu thuẫn nhưng không có ý kiến.

Hiện nay, do chị không còn tình cảm với anh L, hai bên không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn. Con chung Trần Phạm Mỹ D sinh ngày 29/12/2018 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng bởi anh L không có việc làm và không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

** Trong quá trình tố tụng, anh Trần Văn Chí L trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị A về thời điểm chung sống và thời điểm đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên chung sống bình thường và sinh sống tại ấp 6, xã H (G, B). Đầu năm 2020, chị A đưa con về nhà cha mẹ ruột tại xã Nhơn Thạnh, thành phố B sinh sống để thuận tiện cho con ăn học. Riêng anh vẫn sinh sống và đi làm tại huyện G nhưng mỗi tuần có lên thăm vợ con từ 01 đến 02 lần. Đến năm 2021, do anh không đồng ý về bên gia đình vợ sinh sống, làm ăn theo yêu cầu của chị A nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, hàng tuần anh vẫn lên thăm vợ con 01 lần. Khi hai bên bất hòa, gia đình hai bên có động viên, khuyên giải; bản thân anh cũng có thiện chí nhưng chị A vẫn không đồng ý hàn gắn.

Do hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị A và thương con nên không đồng ý ly hôn. Con chung Trần Phạm Mỹ D sinh ngày 29/12/2018 hiện ở với chị A. Nếu ly hôn thì anh yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng. Nếu chị A trực tiếp nuôi con thì anh không cấp dưỡng mà chỉ cho con tùy theo khả năng sau này. Tài sản chung, nợ chung không có.

** Tại phiên tòa:*

Chị Phạm Nguyễn Q, anh Trần Văn Chí L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (ghi tắt là BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng, đầy đủ quy định tại Điều 237 BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A được ly hôn với anh L;

+ Về con chung: chị A được trực tiếp, tiếp tục nuôi con chung là Trần Phạm Mỹ D sinh ngày 29/12/2018 đến khi thành niên. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Vì lợi ích của con, chị A có quyền yêu cầu Toà án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: cả hai trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do chịA và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã H, huyện G vào ngày 18/02/2019 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 1/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không thể hoà giải nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình tố tụng, chị A xác định hai bên không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn và giữ nguyên yêu cầu ly hôn; anh L mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hòa giải; cả hai đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều này thể hiện tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trần Phạm Mỹ D sinh ngày 29/12/2018. Xét thấy, từ khi chị A và anh L sống ly thân cho đến nay, cháu D do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn địnhVà tính đến thời điểm xét xử, con chung vẫn còn nhỏ. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị A là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị Anh tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị A phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toaø aùn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Nguyễn Q được ly hôn với anh Trần Văn Chí L.

2/- Con chung: Trần Phạm Mỹ D sinh ngày 29/12/2018.

Giao Trần Phạm Mỹ D sinh ngày 29/12/2018 cho chị Phạm Nguyễn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị A tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sô thaåm: buộc chị Phạm Nguyễn Q phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002225 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị A đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã H
(G, B);
- Lưu.

Đặng Thị Ngọc D